

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP HÒA
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2023/HNGĐ-ST

Ngày 18 tháng 5 năm 2023

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Chuyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Thế Hanh

2. Ông Nguyễn Xuân Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện VKSND huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:
Ông Ngô Đức Nghiêm- Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 46 /2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2023 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2023 giữa:

* Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1976. Cư trú: Xóm 3, thôn TS, xã HS, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. (Vắng mặt)

* Bị đơn: Ông Vũ Văn S, sinh năm 1972. Cư trú: Xóm 3, thôn TS, xã HS, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Tại đơn khởi kiện và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án thì nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Th trình bày: Bà và ông Vũ Văn S kết hôn ngày 13/01/1994. Trước khi kết hôn các bên được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã HS. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống đến năm 1995 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không có tiếng nói chung, vợ chồng hay cãi nhau và đánh chửi nhau. Ông S thường xuyên đánh bà vì công việc làm ăn không thuận lợi. Vợ chồng không thống nhất được các vấn đề làm ăn kinh tế. Bà bỏ về nhà bố đẻ ở và vợ chồng ly thân từ tháng 10/2022 đến nay. Sau khi bà bỏ về nhà bố đẻ ở, bà có đi bệnh viện mổ xương sọ điều trị bệnh nhưng Ông S không quan tâm hay hỏi han gì, mọi chi tiêu, sinh hoạt, thuốc men thì Ông S không có trợ giúp gì cho bà. Bà giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông Vũ Văn S vì xác định tình cảm vợ chồng không còn.

- Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Vũ Thị V, sinh năm 1995 và Vũ Thanh T, sinh năm 1999. Hiện nay các con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động. Vợ chồng ly hôn, bà không yêu cầu gì về con chung.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Bà và Ông S tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn là ông Vũ Văn S trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa: Về thời gian kết hôn và điều kiện kết hôn như bà Th trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Chỉ duy nhất năm 2012, bố đẻ bà Th cho mảnh đất để bán quán nhưng vợ chồng không thống nhất được nên vợ chồng có xảy ra cãi nhau nhưng sau đó lại thôi. Hiện nay bà Th đã về nhà bố đẻ ở và vợ chồng sống ly thân từ tháng 10/2022 đến nay. Bà Th bỏ về nhà bố đẻ ở vì nhiều nguyên nhân, bà Th tự nói với ông là vợ chồng không hợp nhau nên bà Th tự thu dọn quần áo về nhà bố đẻ ở. Sau một thời gian thì bà Th làm đơn yêu cầu ly hôn với ông. Từ khi bà Th về nhà bố đẻ ở thì ông có điện thoại cho bà Th nhưng bà Th không nghe máy. Ông có nhờ người khác điện bảo bà Th về đoàn tụ nhưng bà Th không về. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, ông còn thương bà Th vì bà Th ốm đau bệnh tật

Sau khi bà Th chuyển về nhà bố đẻ ở thì bà Th có đi bệnh viện điều trị bệnh, do ông không được thông báo nên ông không thăm hỏi và chăm sóc cho bà Th. Bà Th yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Vũ Thị V, sinh năm 1995 và Vũ Thanh T, sinh năm 1999. Hiện nay các con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động. Vì vậy, ông không yêu cầu tòa án giải quyết vấn đề con chung.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Qua làm việc với ông Nguyễn Văn B, ông B cho biết: Ông là bố đẻ của bà Nguyễn Thị Th. Năm 1993, bà Nguyễn Thị Th kết hôn với ông Vũ Văn S. Có tổ chức đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Theo ông được biết trong cuộc sống vợ chồng thỉnh thoảng có phát sinh mâu thuẫn còn cụ thể như thế nào thì ông không nắm được, thỉnh thoảng Ông S có đánh chị Th. Mỗi lần vợ chồng mâu thuẫn thì chị Th lại mang các con đến nhà ông ở, nhưng sau đó vợ chồng lại về đoàn tụ với nhau. Lần gần đây nhất bà Th chuyển đến nhà ông ở là từ tháng 9/2022 cho đến nay. Trong thời gian bà Th chuyển về nhà ông ở thì có đi bệnh viện điều trị bệnh (ghép xương sọ) ở bệnh viện Việt Đức nhưng ông thấy Ông S và gia đình Ông S không quan tâm chăm sóc và không hỏi thăm gì đối với bà Th. Đến khoảng tháng 2/2023 thì Ông S có đến gọi bà Th về nhưng chị Th không về. Nay bà Th yêu cầu ly hôn Ông S thì ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Bà Th và Ông S có hai con chung là Vũ Thị V, sinh năm 1995 và Vũ Thanh T, sinh năm 1999. Hiện nay các cháu đã trưởng thành. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung của vợ chồng thì ông không nắm được.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án.

- Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình. Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Th được ly hôn ông Vũ Văn S.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bà Nguyễn Thị Th khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Vũ Văn S. Ông Vũ Văn S có nơi cư trú tại địa bàn huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc có mặt các đương sự tại phiên tòa: Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Th đề nghị giải quyết vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vụ án vắng mặt đối với bà Th.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Th và ông Vũ Văn S kết hôn ngày 13/01/1994. Có đăng ký kết hôn ở UBND xã HS, huyện hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Hôn nhân tự nguyện, không vi phạm các điều kiện cấm kết hôn, là hôn nhân hợp pháp (Theo Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình). Theo lời trình bày của bà Th và các tài liệu trong hồ sơ vụ án thì xác định được trong quá trình chung sống, bà Th và Ông S có phát sinh mâu thuẫn do không tìm được tiếng nói chung. Bà Th yêu cầu ly hôn, Ông S không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Th vì xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn. Tuy nhiên cả Ông S và bà Th đều xác định vợ chồng không còn chung sống với nhau và sống ly thân từ tháng 10/2022 đến nay. Theo chị Vũ Thị V là con gái của bà Th và Ông S thì cuộc sống hôn nhân của bà Th và Ông S không được hạnh phúc từ lâu rồi. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần giải quyết cho bà Nguyễn Thị Th được ly hôn ông Vũ Văn S (theo Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình).

[4] Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là chị Vũ Thị V, sinh năm 1995 và anh Vũ Thanh T, sinh năm 1999. Hiện nay các con chung đã trưởng thành

và có khả năng lao động nên không đặt ra xem xét giải quyết là phù hợp với quy định tại các Điều 69, Điều 70 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các bên không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Th phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 56, Điều 57, Điều 69, Điều 70 của Luật hôn nhân và gia đình. Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1, Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Th được ly hôn ông Vũ Văn S.

2, Về án phí: Bà Nguyễn Thị Th phải chịu 300.000 đồng án phí DSST không có giá ngạch nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0012115 ngày 14/02/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận bà Th đã thi hành xong án phí dân sự sơ thẩm.

3, Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- CCTHADS huyện Hiệp Hòa;
- UBND xã HS, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hs, vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Chuyên